

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐA MINH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐA MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DA MINH GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DA MINH GROUP ., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108807367

3. Ngày thành lập: 02/07/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

LK250 - No 05, Khu A - Khu đất dịch vụ Do Lộ, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810(Chính)
2.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
3.	Khai thác quặng sắt	0710
4.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
5.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
6.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
7.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
8.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
9.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
10.	Xây dựng nhà để ở	4101
11.	Xây dựng nhà không để ở	4102
12.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
13.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
14.	Xây dựng công trình điện	4221
15.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
16.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
17.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
18.	Xây dựng công trình thủy	4291
19.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
20.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293

21.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
22.	Phá dỡ	4311
23.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
24.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
25.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
26.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
27.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
28.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
29.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
30.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đấu giá)	4512
31.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4513
32.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
33.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
34.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa	4610
35.	Bán buôn thực phẩm	4632
36.	Bán buôn đồ uống	4633
37.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
38.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm)	4649
39.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
40.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
41.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
42.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
43.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
44.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
45.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
46.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
47.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
48.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753

49.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
50.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ dược phẩm)	4772
51.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
52.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
53.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
54.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
55.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
56.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
57.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
58.	Lập trình máy vi tính	6201
59.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
60.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
61.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
62.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
63.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
64.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
65.	Quảng cáo	7310
66.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
67.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
68.	Cho thuê xe có động cơ	7710
69.	Đại lý du lịch	7911
70.	Điều hành tua du lịch	7912
71.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
72.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
73.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
74.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
75.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản	6820

76.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (trừ hoạt động của Trung tâm giới thiệu việc làm)	7810
77.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư) - Giáo dục dự bị - Các trung tâm dạy học có các khóa học dành cho học sinh yếu kém - Các khóa dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại - Dạy đọc nhanh - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng - Dạy máy tính	8559
78.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: - Tư vấn giáo dục - Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục - Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục - Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên - Tư vấn du học	8560
79.	Đào tạo sơ cấp	8531
80.	Đào tạo trung cấp	8532

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN VĂN ĐƯƠNG	Xóm 3, Xã Long Thành, Huyện Yên Thành, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.000.000	10.000.000.000	50,000	186938729	
			Tổng số	1.000.000	10.000.000.000	50,000		

2	NGUYỄN THỊ CHÂU	Xóm 3, Xã Long Thành, Huyện Yên Thành, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500.000	5.000.000.000	25,000	187075464	
			Tổng số	500.000	5.000.000.000	25,000		
3	TRẦN VĂN QUYÊN	Xóm 3, Xã Long Thành, Huyện Yên Thành, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500.000	5.000.000.000	25,000	187653302	
			Tổng số	500.000	5.000.000.000	25,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN VĂN ĐƯƠNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 21/01/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 186938729

Ngày cấp: 17/01/2015

Nơi cấp: Công an tỉnh Nghệ An

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 3, Xã Long Thành, Huyện Yên Thành, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: LK250 - No 05, Khu A - Khu đất dịch vụ Do Lộ, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội